

**Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ
Prudential Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 46

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam (“Công ty”) là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh mới nhất số 2138/GPĐC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 15GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8 tháng 9 năm 2011 và giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC9/KDBH ngày 19 tháng 3 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, tái bảo hiểm và các hoạt động đầu tư khác theo quy định hiện hành.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 25, Trung tâm Thương mại Sài Gòn, 37 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có 25 văn phòng, chi nhánh và địa điểm kinh doanh trên khắp cả nước

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Tan Thean Oon Dennis	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2022
Bà Jackie Chew Pei Pei	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2022
Ông Phương Tiến Minh	Thành viên	tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 06 năm 2023
Ông Trần Quang Hoan	Thành viên	tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2024

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Phương Tiến Minh	Tổng Giám đốc Điều hành	tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 06 năm 2023
Ông Conor M O'Neill	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2024
Ông Masatoshi Edo	Chuyên gia Tính toán	bổ nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2022
Bà Đào Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc Khối Tuân thủ, Pháp lý, Rủi ro	bổ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2023
Bà Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc Giao dịch Bảo hiểm	bổ nhiệm ngày 29 tháng 09 năm 2023
Bà Bùi Thị Thanh Thúy	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự	bổ nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2013
Ông Nguyễn Thọ Nam	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kênh Đối tác	miễn nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2024
Bà Trần Khiết Thi (Mandy Trần)	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kênh Đại lý	bổ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2023
Ông Trần Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc Marketing	bổ nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2020
Ông Trần Lê Quốc Sơn	Phó Tổng Giám đốc Công nghệ	bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là Ông Phương Tiến Minh, chức danh Tổng Giám đốc Điều hành.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính một cách trung thực và hợp lý theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

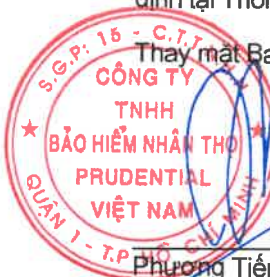
Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 67/2023/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Phương Tiên Minh
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu B01a-DNNT

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		50.054.964	48.604.205
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.468.600	6.376.826
1. Tiền	111		4.082.588	4.935.559
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.386.012	1.441.267
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	34.996.307	33.534.451
1. Đầu tư ngắn hạn	121		34.996.307	33.536.406
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.955)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.542.330	8.610.299
1. Phải thu của khách hàng	131		2.542.884	3.739.250
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	6	2.542.789	3.738.861
1.2 Phải thu khác của khách hàng	131.2		95	389
2. Trả trước cho người bán	132		42.906	34.357
3. Các khoản phải thu khác	135	7	5.979.929	4.855.016
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(23.389)	(18.324)
IV. Hàng tồn kho	140		15.548	26.530
1. Hàng tồn kho	141		15.548	26.530
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.179	56.099
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		32.171	55.109
2. Thuế phải thu Nhà nước	152	15(a)	8	990
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		132.226.770	128.068.589
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.063.885	1.710.200
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	1.063.885	1.710.200
1.1 Ký quỹ bảo hiểm	218.1		26.000	26.000
1.2 Phải thu dài hạn khác	218.2		1.037.885	1.684.200
II. Tài sản cố định	220		478.963	535.968
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	79.194	91.114
Nguyên giá	222		342.112	398.184
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(262.918)	(307.070)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	267.200	268.821
Nguyên giá	228		674.490	603.356
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(407.290)	(334.535)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	132.569	176.033
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	122.259.056	117.501.497
1. Đầu tư vào công ty con	251		25.000	25.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		122.234.056	117.476.497
IV. Tài sản dài hạn khác	260		8.424.866	8.320.924
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	8.061.482	8.112.860
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	29.3	363.384	208.064
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		182.281.734	176.672.794

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B01a –DNNT

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		157.729.942	154.336.871
I. Nợ ngắn hạn	310		11.358.064	13.092.892
1. Phải trả cho người bán	312		9.010.403	9.735.033
1.1 Phải trả về hoạt động bảo hiểm	312.1	14	8.885.160	9.234.364
1.2 Phải trả khác cho người bán	312.2		125.243	500.669
2. Thuế phải nộp Nhà nước	314	15(b)	83.180	398.279
3. Phải trả người lao động	315		916	199.403
4. Chi phí phải trả	316	16	1.792.429	1.014.595
5. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	17	471.136	1.745.582
<i>Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</i>	319.1		212.598	191.128
II. Nợ dài hạn	330		146.371.878	141.243.979
1. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	24.241	25.539
2. Dự phòng nghiệp vụ	344	19	146.347.637	141.218.440
2.1 Dự phòng toán học	344.1		127.636.731	123.444.009
2.2 Dự phòng phí chưa được hưởng	344.2		491.312	594.742
2.3 Dự phòng bồi thường	344.3		2.689.420	2.506.046
2.4 Dự phòng chia lãi	344.4		15.127.435	14.302.510
2.5 Dự phòng bảo đảm cân đối	344.5		295.746	284.716
2.6 Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết	344.7		106.993	86.417
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		24.551.792	22.335.923
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	24.551.792	22.335.923
1. Vốn góp	411		7.697.750	6.397.750
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		685.568	639.775
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.168.474	15.298.398
3.1 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.298.398	12.229.182
3.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		870.076	3.069.216
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		182.281.734	176.672.794

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu B01a-DNNT

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND
1. Ngoại tệ (USD & GBP) 2. Hợp đồng thuê hoạt động	31	1.002 359.950	2.560 381.963

Tạ Minh Trí
Kế toán Báo cáo

Phạm Bích Liên
Kế toán trưởng



Phương Tiến Minh
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B02a-DNNT

PHẦN 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	10.967.841	12.644.383
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	6.508.258	5.559.891
3. Thu nhập khác	13	2.972	12.149
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	12.640.206	12.322.616
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	321.394	264.417
6. Chi phí bán hàng	23	2.117.207	2.739.365
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	1.304.007	1.288.637
8. Chi phí khác	25	4.269	214
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 - 20 - 22 - 23 - 24 - 25)	50	1.091.988	1.601.174
10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	331.439	272.299
11. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	(155.320)	(13.174)
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	915.869	1.342.049

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B02a-DNNT
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

PHẦN 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 - 01.3)	01	21	11.247.143	12.933.899
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		11.143.713	12.841.668
- Giảm dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc	01.3		(103.430)	(92.231)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02	22	286.033	295.117
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		10.961.110	12.638.782
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04		6.731	5.601
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		10.967.841	12.644.383
6. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	11	23	6.831.917	5.977.863
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	23	184.115	210.787
8. Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	13	23	5.232.627	5.460.171
9. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13)	15	23	11.880.429	11.227.247
10. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (16 = 16.1 + 16.2)	16	24	759.777	1.095.369
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	16.1		744.571	1.093.472
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	16.2		15.206	1.897
11. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 15 + 16)	17		12.640.206	12.322.616
12. (Lỗ)/lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 10 - 17)	18		(1.672.365)	321.767
13. Doanh thu hoạt động tài chính	22	25	6.508.258	5.559.891
14. Chi phí hoạt động tài chính	23	26	321.394	264.417

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B02a-DNNT
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

PHẦN 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND
15. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính (24 = 22 - 23)	24		6.186.864	5.295.474
16. Chi phí bán hàng	25	27	2.117.207	2.739.365
17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	1.304.007	1.288.637
18. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 18 + 24 - 25 - 26)	30		1.093.285	1.589.239
19. Thu nhập khác	31		2.972	12.149
20. Chi phí khác	32		4.269	214
21. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.297)	11.935
22. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.091.988	1.601.174
23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	331.439	272.299
24. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	29.3	(155.320)	(13.174)
25. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		915.869	1.342.049



Tạ Minh Trí
Kế toán Báo cáo



Phạm Bích Liên
Kế toán trưởng




Phương Tiến Minh
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03a-DNNT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.091.988	1.601.174
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao và phân bổ	02	9,10	94.814	35.453
Các khoản dự phòng	03		5.134.879	5.370.329
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.690	(1.825)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.511.205)	(5.557.492)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(185.834)	1.447.639
Giảm các khoản phải thu	09		867.452	489.402
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		10.982	(22.513)
Giảm các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(1.526.818)	(304.818)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		74.316	(695.373)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(546.945)	(398.663)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh	20		(1.306.847)	515.674
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	9,10	(40.442)	(192.906)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		96	50
Tiền chi tạm ứng cho chủ hợp đồng, mua các công cụ nợ	23		(7.846.142)	(12.558.849)
Tiền thu hồi tạm ứng cho chủ hợp đồng, bán lại các công cụ nợ	24		5.038.079	6.540.506
Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng và mua chứng khoán vốn	25		(16.285.722)	(17.240.472)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và bán chứng khoán vốn	26		14.949.043	21.235.459
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		4.283.773	4.155.138
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		98.685	1.938.926
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ vốn góp của nhà đầu tư	31		1.300.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.300.000	-

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03a-DNNT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		91.838	2.454.600
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4	6.376.826	6.755.319
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(64)	1.072
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	6.468.600	9.210.991



Tạ Minh Trí
Kế toán Báo cáo



Phạm Bích Liên
Kế toán trưởng



Phùng Tiến Minh
Tổng Giám đốc Điều hành



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh mới nhất số 2138/GPĐC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 15GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8 tháng 9 năm 2011 và giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC9/KDBH ngày 19 tháng 3 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, tái bảo hiểm và các hoạt động đầu tư khác theo các quy định hiện hành.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 25, Trung tâm Thương mại Sài Gòn, 37 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có 25 văn phòng, chi nhánh và địa điểm kinh doanh trên khắp cả nước.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 1.536 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.688 người).

Công ty có một công ty con như sau:

<i>Công ty con</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty</i>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments	Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán.	100%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 08/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 3 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty con đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 303827455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2022.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày phù hợp với Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các khoản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp. Các khoản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị được đo lường theo giá trị hợp lý như được trình bày tại Thuyết minh 3(d)(ii).

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, được làm tròn tới hàng triệu gần nhất ("Triệu VND").

(e) Hình thức sổ sách kế toán

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(a) Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được lần lượt quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản tương ứng của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị (bao gồm quỹ chủ sở hữu, quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi, quỹ chủ hợp đồng không tham gia chia lãi, quỹ liên kết chung và quỹ hưu trí tự nguyện)

Chứng khoán nợ

Các khoản đầu tư này đại diện cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Những khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Sau thời điểm ghi nhận ban đầu, những khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Chiết khấu và phụ trội phát sinh từ việc mua trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DNNT
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(d) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(i) Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị (bao gồm quỹ chủ sở hữu, quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi, quỹ chủ hợp đồng không tham gia chia lãi, quỹ liên kết chung và quỹ hưu trí tự nguyện) (tiếp theo)

Chứng khoán vốn

Các khoản đầu tư bao gồm cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên Sàn chứng khoán dành cho công ty đại chúng chưa niêm yết ("UpCom") được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi giá thị trường của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá thị trường tăng sau khi dự phòng đã được ghi nhận và chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Các khoản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị

Công ty đã áp dụng các chính sách để ghi nhận và đo lường các khoản đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ chứng khoán ("Thông tư 98"). Công ty đã áp dụng các chính sách sau đây để ghi nhận và đo lường các khoản đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, tất cả các khoản đầu tư được xác định theo giá trị hợp lý và lãi và lỗ phát sinh do thay đổi giá trị hợp lý của khoản đầu tư được ghi nhận là một phần của doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định tại ngày báo cáo như sau:

▶ Trái phiếu niêm yết:

Các trái phiếu này được định giá lại dựa trên giá niêm yết bình quân gia quyền (còn được gọi là "giá sạch") hoặc các điều khoản tương tự theo quy định của sở giao dịch chứng khoán trên nền tảng giao dịch mua bán thông thường vào ngày giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo.

Nếu không có giao dịch nào trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày báo cáo thì giá trị hợp lý của trái phiếu là giá mua tại ngày báo cáo do các bên định giá độc lập cung cấp. Trong trường hợp không có báo giá thị trường hiện tại, trái phiếu niêm yết được định giá lại theo giá trị sau theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá giao dịch cuối cùng được sử dụng trong lần định giá trước đó được giữ nguyên cho đến khi có giá giao dịch mới hoặc giá được định giá bởi bên định giá cung cấp. Giá cũ này phải được theo dõi và sử dụng theo chính sách Giá cũ;
- Giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá phù hợp đã được chấp thuận bởi Ủy ban Định giá Nội bộ của Công ty;
- Mệnh giá;
- Giá mua.

▶ Trái phiếu chưa niêm yết:

Trái phiếu chưa niêm yết là trái phiếu không được giao dịch trên các sàn giao dịch đã được công nhận. Giá trị hợp lý của trái phiếu chưa niêm yết tại ngày báo cáo được xác định bằng cách sử dụng giá sạch do các bên định giá độc lập cung cấp.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(d) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(ii) Các khoản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị (tiếp theo)

▶ Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UpCom:

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết (được niêm yết trên HOSE hoặc HNX) và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UpCom là giá đóng cửa trên HOSE hoặc HNX hoặc Upcom tại ngày giao dịch gần nhất cho đến ngày báo cáo. Nếu không có giá thị trường trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày báo cáo, giá trị hợp lý sẽ được xác định theo thứ tự sau đây:

- Giá mới nhất hiện có (giá cũ) được sử dụng trong lần định giá trước đó và không quá 90 ngày;
- Giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá phù hợp đã được chấp thuận bởi Ủy ban Định giá Nội bộ của Công ty;
- Giá trị sổ sách được xác định theo báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất;
- Giá mua.

▶ Tiền gửi có kỳ hạn:

Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng được ghi nhận theo giá gốc.

(iii) Các khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm

Các khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận theo giá gốc.

(iv) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ của Công ty.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(d) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(v) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích dự} \\ \text{phòng giảm giá} \\ \text{đầu tư chứng} \\ \text{khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị khoản đầu} \\ \text{tư chứng khoán} \\ \text{đang hạch toán} \\ \text{trên sổ kế toán của} \\ \text{doanh nghiệp tại} \\ \text{thời điểm lập báo} \\ \text{cáo tài chính giữa} \\ \text{niên độ} \end{array} - \left(\begin{array}{l} \text{Số lượng chứng} \\ \text{khoán doanh} \\ \text{nghiệp đang sở} \\ \text{hữu tại thời điểm} \\ \text{lập báo cáo tài} \\ \text{chính giữa niên} \\ \text{độ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán thực tế} \\ \text{trên thị} \\ \text{trường} \end{array} \right)$$

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch tại Upcom, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động bảo hiểm và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nâng cấp tài sản thuê	3 năm
- Đồ đạc và thiết bị văn phòng	4 - 6 năm
- Phương tiện vận chuyển	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 4 đến 8 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và phần mềm chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần hàng năm vào kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ:

▶ Tiền thuê văn phòng trả trước;

▶ Phí phân phối sản phẩm qua kênh ngân hàng;

Phí phân phối sản phẩm qua kênh ngân hàng theo thỏa thuận phân phối với ngân hàng thương mại được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ dựa trên tỷ lệ giữa doanh số kế hoạch dự kiến từng năm so với tổng doanh số kế hoạch trong thời hạn hiệu lực của thỏa thuận phân phối.

▶ Ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị, quảng bá;

Ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị, quảng bá theo thỏa thuận phân phối với ngân hàng thương mại được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ hàng tháng căn cứ theo điều kiện, điều khoản trong các hợp đồng phân phối.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DNNT
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(j) Phải trả hoạt động bảo hiểm và phải trả khác

Các khoản phải trả hoạt động bảo hiểm và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Lợi ích của nhân viên

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được từ đủ 12 tháng trở lên theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc cho khoảng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty nhưng không tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội mà chưa được chi trả khoản Trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

Trợ cấp ốm đau, nghỉ hưu và thai sản

Trợ cấp nghỉ hưu, ốm đau và thai sản được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Công ty khi nghỉ hưu hoặc ốm đau, thai sản. Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo Hiểm Xã hội theo quy định.

Trợ cấp thất nghiệp

Theo quy định Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DNNT
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(I) Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ bao gồm:

- (i) Dự phòng toán học
- (ii) Dự phòng phí chưa được hưởng
- (iii) Dự phòng bồi thường
- (iv) Dự phòng chia lãi
- (v) Dự phòng bảo đảm cân đối
- (vi) Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo các quy định của Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 ("Thông tư 67") hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 ("Nghị định 46") quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Công văn số 16349/BTC-QLBH ngày 27 tháng 12 năm 2018 do Bộ Tài Chính ban hành.

Chính sách kế toán cho dự phòng nghiệp vụ như sau:

(i) Dự phòng toán học

Dự phòng toán học được tính toán cho từng hợp đồng bảo hiểm cụ thể và dự phòng được tính toán cho mỗi hợp đồng bảo hiểm phải lớn hơn hoặc bằng không (0). Dự phòng toán học được trích lập cho các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm (ngoại trừ các hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư và hợp đồng bảo hiểm hưu trí), được tính bằng cách sử dụng các kỹ thuật tính phí theo phương pháp phí bảo hiểm thuần được chấp nhận rộng rãi. Việc xác định lãi suất kỹ thuật và dự phòng cho mức tử vong được ấn định tại một mức thận trọng và đã được Bộ Tài chính chấp thuận.

► Đối với các sản phẩm truyền thống

Đối với các sản phẩm truyền thống với mức điều chỉnh hệ số Zillmer là 3%, phí bảo hiểm thuần được sử dụng để tính dự phòng không được cao hơn 100% phí bảo hiểm thực tế thu được.

Lãi suất kỹ thuật tối đa không thể vượt quá:

- 80% lãi suất bình quân của trái phiếu chính phủ có kỳ thời hạn từ 10 năm trở lên được phát hành trong vòng 24 tháng cho đến ngày báo cáo;
- tỷ suất đầu tư bình quân của 4 (bốn) quý liền kề trước đó của doanh nghiệp bảo hiểm; và
- lãi suất tính phí của từng sản phẩm bảo hiểm.

► Đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết chung:

- (i) giá trị của các khoản đầu tư phân bổ cho chủ hợp đồng bảo hiểm như được trình bày tại Thuyết minh 3(d)(i), hoặc Giá trị hoàn lại;

cộng

- (ii) dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết;

cộng

- (iii) dự phòng rủi ro bảo hiểm là tổng số lớn hơn giữa mức dự phòng được tính theo phương pháp dòng tiền và mức dự phòng được tính theo phương pháp phí chưa được hưởng, thường duy trì hợp đồng và thưởng tri ân khách hàng.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DNNT
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(I) Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

▶ Đối với các hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị:

- (i) giá trị của các khoản đầu tư phân bổ cho chủ hợp đồng bảo hiểm như được trình bày tại Thuyết minh 3(d)(ii);
cộng
- (ii) phí bảo hiểm chưa phân bổ;
cộng
- (iii) dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng được tính theo phương pháp dòng tiền và mức dự phòng được tính theo phương pháp phí chưa được hưởng.

▶ Đối với các hợp đồng bảo hiểm hưu trí:

- (i) giá trị của các khoản đầu tư phân bổ cho chủ hợp đồng bảo hiểm như được trình bày tại Thuyết minh 3(d)(i);
cộng
- (ii) dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng được tính theo phương pháp dòng tiền và mức dự phòng được tính theo phương pháp phí chưa được hưởng.

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8 hoặc 1/24 theo phương pháp dự phòng trong Cơ sở kỹ thuật của từng sản phẩm đã được phê duyệt.

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa được giải quyết và cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường.

- Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa được giải quyết được ước tính cho các trường hợp bồi thường đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết tại ngày báo cáo. Dự phòng bồi thường cũng bao gồm các dự phòng bồi thường khác (như dự phòng cho các hợp đồng đang được miễn thu phí, đang được trả quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng cho các hợp đồng giáo dục mà bên mua bảo hiểm đã tử vong (bao gồm các sản phẩm Phú – An Gia Thành Tài, Phú – Đăng Khoa Thành Tài, Pru-Tương Lai Tươi Sáng), dự phòng cho việc hủy hợp đồng khi đang trong giai đoạn cân nhắc).
- Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo ("IBNR") là các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc chưa yêu cầu bồi thường tại ngày báo cáo. Dự phòng bồi thường IBNR được trích lập theo tỷ lệ 3% của trung bình phí bảo hiểm quy năm cho 12 tháng của các hợp đồng còn hiệu lực theo Công văn số 917/BTC-QLBH ngày 17 tháng 1 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành và tỷ lệ 3% của doanh thu phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng cho các sản phẩm sức khỏe theo cơ sở kỹ thuật của sản phẩm đã được phê duyệt.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(I) Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(iv) Dự phòng chia lãi

Theo Điều 39 Thông tư 67, dự phòng chia lãi chỉ áp dụng cho các hợp đồng tham gia chia lãi, bao gồm dự phòng cho phần lãi đã công bố và dự phòng cho phần lãi chưa công bố được sử dụng cho mục đích chia thêm lãi cho chủ hợp đồng trong tương lai, trong đó:

- Dự phòng chia lãi đã công bố bằng giá trị hiện tại của tổng các khoản bảo tức tích lũy đã công bố tính đến năm tài chính hiện hành, với cơ sở trích lập áp dụng tương tự như cơ sở trích lập dự phòng toán học.
- Dự phòng cho phần lãi chưa công bố (UPR) được sử dụng cho mục đích chia thêm lãi cho chủ hợp đồng trong tương lai. Dự phòng cho phần lãi chưa công bố = Dự phòng cho phần lãi năm trước + Dự phòng cho phần lãi năm nay - Lãi đã thanh toán trong năm.

Việc trích lập dự phòng cho phần lãi chưa công bố phải đảm bảo nguyên tắc:

- Mức trích lập hàng năm của dự phòng này không được vượt quá 10% tổng thặng dư của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi phát sinh trong năm đó; và
- Tổng giá trị của dự phòng cho phần lãi chưa công bố tại mọi thời điểm không được vượt quá 0,5% nhân với thời hạn còn lại trung bình của các hợp đồng có tham gia chia lãi nhân với tổng mức trách nhiệm của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi tại thời điểm đó.

(v) Dự phòng bảo đảm cân đối

Dự phòng bảo đảm cân đối được trích lập hàng tháng tương ứng với 1% lợi nhuận trước thuế cho đến khi số dư của khoản dự phòng này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính.

(vi) Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết

Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết là khoản dự phòng cho các trường hợp khi tỷ lệ hoàn vốn đầu tư của Công ty thấp hơn mức lãi suất cam kết cho các chủ hợp đồng như được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết được thiết lập ở mức chênh lệch giữa thu nhập đầu tư thực tế của Công ty và thu nhập đầu tư theo lãi suất đã cam kết với các chủ hợp đồng theo quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết được trích lập theo phương pháp phù hợp với Công Văn 16349.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(m) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(n) Quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Nghị định 46/2023/NĐ-CP và Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Công ty phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc hàng năm bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi số dư quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty. Công ty phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn chủ sở hữu và bảo đảm khả năng thanh toán.

(o) Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính chưa hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

- ▶ *Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(o) Công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) Tài sản tài chính (tiếp theo)

► Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

► Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

► Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(o) Công cụ tài chính (tiếp theo)

(ii) Nợ phải trả tài chính

- ▶ *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(iii) Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210/2009/TT-BTC không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá (ngoại trừ các công cụ tài chính từ quỹ liên kết đơn vị, giá trị sau ghi nhận ban đầu được xác định theo giá trị hợp lý và lãi và lỗ phát sinh do thay đổi giá trị hợp lý của khoản đầu tư được ghi nhận là một phần của thu nhập tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020).

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm). Phí bảo hiểm bao gồm phí bảo hiểm đã đến hạn nộp nhưng chưa thu được, trừ phí bảo hiểm không bắt buộc trong hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị được ghi nhận khi Công ty nhận được, và không bao gồm phí bảo hiểm trả trước hạn.

Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm được hủy bỏ và cần thiết phải hoàn trả phí bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách khấu trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh.

(r) Hoạt động tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm và hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Các khoản có thể thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm được ước tính phù hợp với các khoản bồi thường đã trả phù hợp với hợp đồng tái bảo hiểm liên quan. Các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm không miễn trừ Công ty khỏi các nghĩa vụ đối với chủ hợp đồng.

Tài sản hoặc công nợ tái bảo hiểm được ghi giảm khi các quyền theo hợp đồng bị hủy bỏ hoặc hết hiệu lực, hoặc khi hợp đồng được chuyển giao cho một bên khác.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DNNT
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(s) Chi phí bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác

Chi phí bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác bao gồm khoản chi trả đáo hạn, quyền lợi tiền mặt định kỳ, giá trị hoàn lại, chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và quyền lợi tử vong. Quyền lợi đáo hạn được ghi nhận như là chi phí tại ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm. Quyền lợi tiền mặt định kỳ được ghi nhận khi các khoản thanh toán định kỳ đến hạn thanh toán. Giá trị hoàn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi thanh toán. Chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và quyền lợi tử vong được ghi nhận khi được phê duyệt.

(t) Doanh thu các hoạt động tài chính

(i) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi nhận được thông báo khớp lệnh các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") (đối với chứng khoán niêm yết) và khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán được chuyển giao cho người mua (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại các ngân hàng, các khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm từ giá trị hoàn lại và trái phiếu được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

(iv) Lãi/(lỗ) chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản đầu tư của quỹ liên kết đơn vị

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý với biến động của giá trị hợp lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

(u) Chi phí khai thác bảo hiểm

Tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ từ việc phát hành hợp đồng bảo hiểm mới và gia hạn hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận là một khoản chi phí khi phát sinh. Không có khoản chi phí khai thác bảo hiểm chờ phân bổ nào được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

(v) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan được đề cập tới bao gồm nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất, công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính chưa hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND</i>
Tiền		
<i>Tiền mặt</i>	2.441	2.795
<i>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</i>	3.905.887	4.665.059
<i>Tiền đang chuyển</i>	174.260	267.705
Các khoản tương đương tiền (i)	2.386.012	1.441.267
	6.468.600	6.376.826

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a-DNNT

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Số lượng	Triệu VND	Số lượng	Triệu VND
Các khoản đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị				
- Chứng khoán niêm yết và chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UpCom	494.584.871	17.338.968	467.743.500	14.916.781
- Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm		663.002		241.855
Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị				
- Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm		10.296.333		11.793.472
Tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm từ giá trị hoàn lại		6.698.004		6.584.298
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (i)		34.996.307		33.536.406
		<u>34.996.307</u>		<u>33.534.451</u>

(i) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn phản ánh dự phòng giảm giá các chứng khoán đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị. Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND
Số đầu năm	1.955	342
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	-	1.613
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	(1.955)	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>1.955</u>

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND
Phải thu phí bảo hiểm từ chủ hợp đồng	2.542.789	3.738.861

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND
Lãi phải thu ngắn hạn	5.543.501	4.744.716
Phải thu từ các đại lý	63.914	69.416
Tạm ứng cho người lao động	639	297
Phải thu khác	371.875	40.587
	5.979.929	4.855.016

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND
Lãi phải thu dài hạn	992.476	1.636.251
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc (i)	26.000	26.000
Ký quỹ cho hợp đồng thuê	38.469	39.190
Ký quỹ khác	6.940	8.759
	1.063.885	1.710.200

- (i) Theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và Nghị định 46/2023/NĐ-CP, Công ty được yêu cầu ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tính 2% trên vốn điều lệ tối thiểu tại một ngân hàng được cấp phép hoạt động tại Việt Nam. Khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc này không được phép rút ra cho đến khi chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc có sự chấp thuận trước bởi Bộ Tài chính. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội với số tiền là 26.000 triệu VND (31/12/2023: 26.000 triệu VND) được dùng làm khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a-DNNT

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Năng cấp tài sản thuê Triệu VND	Đồ đạc và thiết bị văn phòng Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Đầu kỳ	159.009	231.777	7.398	398.184
Mua trong kỳ	-	4.673	-	4.673
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	8.099	-	-	8.099
Thanh lý	-	(11.555)	-	(11.555)
Xóa sổ	(57.289)	-	-	(57.289)
Cuối kỳ	109.819	224.895	7.398	342.112
Giá trị khấu hao lũy kế				
Đầu kỳ	117.959	185.677	3.434	307.070
Khấu hao trong kỳ	11.154	10.381	524	22.059
Thanh lý	-	(11.163)	-	(11.163)
Xóa sổ	(55.048)	-	-	(55.048)
Cuối kỳ	74.065	184.895	3.958	262.918
Giá trị còn lại				
Đầu kỳ	41.050	46.100	3.964	91.114
Cuối kỳ	35.754	40.000	3.440	79.194

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 275.532 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2023: 273.972 triệu VND)

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a –DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm vi tính</i> <i>Triệu VND</i>
Nguyên giá	
Đầu kỳ	603.356
Mua trong kỳ	225
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (<i>Thuyết minh 11</i>)	70.909
Cuối kỳ	674.490
Giá trị hao mòn lũy kế	
Đầu kỳ	334.535
Hao mòn trong kỳ	72.755
Cuối kỳ	407.290
Giá trị còn lại	
Đầu kỳ	268.821
Cuối kỳ	267.200

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 272.828 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (31/12/2023: 234.341 triệu VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<i>Ngày 30 tháng 6</i> <i>năm 2024</i> <i>Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2023</i> <i>Triệu VND</i>
Số đầu kỳ	176.033	118.422
Tăng trong kỳ	35.544	359.657
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (<i>Thuyết minh 9</i>)	(8.099)	(39.473)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (<i>Thuyết minh 10</i>)	(70.909)	(262.573)
Số cuối kỳ	132.569	176.033

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a-DNNVT

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Số lượng	Triệu VND	Số lượng	Triệu VND
Đầu tư vào công ty con		25.000		25.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments				
Đầu tư dài hạn khác				
Các khoản đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị (a)				
- Trái phiếu Chính phủ	4.301.718	451.235	6.301.718	725.824
- Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	550.000	62.833	550.000	63.808
- Trái phiếu doanh nghiệp	555.061	129.961	27.330	77.703
- Tiền gửi ngân hàng dài hạn (c)		499.658		514.917
Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị (b)				
- Trái phiếu Chính phủ	599.094.935	66.453.482	579.394.935	64.486.704
- Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	59.720.000	6.152.967	57.720.000	5.951.487
- Trái phiếu đô thị	8.600.000	886.310	8.600.000	888.109
- Trái phiếu doanh nghiệp	6.503.581	17.537.513	6.502.781	17.007.529
- Tiền gửi ngân hàng dài hạn (c)		30.060.097		27.760.416
		122.259.056		117.501.497

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị

Theo quy định hiện hành, trước khi hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị đầu tiên được giao kết, Công ty phải sử dụng một phần quỹ chủ sở hữu để hình thành các tài sản của quỹ liên kết đơn vị phù hợp với chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư và hạn mức đầu tư của từng quỹ liên kết đơn vị và phải bảo đảm giá trị của mỗi quỹ liên kết đơn vị không thấp hơn 50.000 triệu VND (“Quỹ mới”). Công ty được hưởng kết quả đầu tư tương ứng với số tiền đã đóng góp vào quỹ liên kết đơn vị. Công ty có thể được hoàn lại một phần hoặc toàn bộ số tiền đã đóng góp nếu giá trị của từng quỹ liên kết đơn vị lớn hơn 50.000 triệu VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tổng giá trị quỹ mới đã đóng góp và thu nhập lũy kế từ hoạt động đầu tư từ quỹ chủ sở hữu của Công ty là 285.507 triệu VND (31/12/2023: 204.964 triệu VND). Giá trị này bao gồm tài sản hình thành từ số tiền đóng góp 282.531 triệu VND từ quỹ chủ sở hữu vào ngày 08 tháng 3 năm 2024 khi Công ty chính thức chào bán quỹ PruLink Việt Nam Tương Lai Xanh cho các khách hàng mua sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.

(b) Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị

Quỹ liên kết chung

Theo quy định hiện hành, Quỹ liên kết chung được thành lập trước khi hợp đồng bảo hiểm liên kết chung đầu tiên được giao kết và có tổng giá trị không thấp hơn 50.000 triệu VND. Công ty được hưởng phần kết quả đầu tư tương ứng với số tiền đã đóng góp vào việc thành lập quỹ này (“Quỹ mới”) theo lãi suất công bố áp dụng cho các chủ hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Công ty có thể được hoàn lại một phần hoặc toàn bộ số tiền đã đóng góp nếu vẫn đảm bảo tổng giá trị quỹ liên kết chung không thấp hơn 50.000 triệu VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã hoàn lại toàn bộ quỹ mới và thu nhập lũy kế từ hoạt động đầu tư liên quan cho quỹ chủ sở hữu.

Quỹ hưu trí tự nguyện

Theo quy định hiện hành, Công ty phải sử dụng quỹ chủ sở hữu đóng góp vào quỹ hưu trí tự nguyện không thấp hơn 200.000 triệu VND (“Quỹ mới”) và phải duy trì tối thiểu 200.000 triệu VND tại quỹ này. Công ty được hưởng phần lãi suất đầu tư đối với phần đóng góp này tương ứng với lãi suất đầu tư công bố của quỹ hưu trí tự nguyện. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tổng giá trị quỹ mới đã đóng góp và thu nhập lũy kế từ hoạt động đầu tư từ quỹ chủ sở hữu của Công ty là 276.765 triệu VND (31/12/2023: 272.460 triệu VND).

(c) Tiền gửi dài hạn tại các ngân hàng

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc nhiều hơn một năm.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND</i>
Phí phân phối sản phẩm qua kênh ngân hàng trả trước (i)	7.720.754	7.765.484
Ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị, quảng bá (ii)	262.399	276.864
Công cụ và dụng cụ	23.112	27.239
Chi phí trả trước dài hạn khác	55.217	43.273
	8.061.482	8.112.860

(i) Biến động phí phân phối sản phẩm qua kênh ngân hàng trả trước trong kỳ như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND</i>
Số đầu kỳ	7.765.484	3.924.161
Tăng trong kỳ	-	3.934.495
Phân bổ trong kỳ	(44.730)	(93.172)
Số cuối kỳ	7.720.754	7.765.484

(ii) Biến động của ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị trong kỳ như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND</i>
Số đầu kỳ	276.864	132.594
Tăng trong kỳ	-	305.600
Phân bổ trong kỳ	(14.465)	(161.330)
Số cuối kỳ	262.399	276.864

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a-DNNT

14. PHẢI TRẢ VỀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND
Quyền lợi tiền mặt định kỳ phải trả	5.314.619	4.977.802
Hoa hồng, thưởng và hỗ trợ phải trả cho đại lý	1.953.633	2.646.594
Quyền lợi bảo hiểm phải trả vào ngày đáo hạn	1.113.033	1.109.786
Phí nhượng tái bảo hiểm phải trả	231.383	144.960
Các khoản thưởng phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	124.163	121.501
Các khoản phải trả bồi thường đã phê duyệt	87.970	106.753
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	3.953	6.170
Phải trả khác	56.406	120.798
	8.885.160	9.234.364

15. THUẾ PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP TỪ NHÀ NƯỚC

(a) Thuế phải thu từ nhà nước

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	8	990

(b) Thuế phải nộp cho Nhà nước

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.092	265.597
Thuế thu nhập cá nhân	32.129	68.382
Thuế giá trị gia tăng	6	45
Các loại thuế khác	953	64.255
	83.180	398.279

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND
Tiền thưởng đại lý	471.168	171.336
Chi phí công nghệ thông tin	428.013	269.188
Tiền thưởng và phúc lợi khác cho nhân viên	291.879	143.893
Chi phí tiếp thị	265.872	246.062
Phí tư vấn và dịch vụ chuyên môn	172.032	58.022
Hội nghị và sự kiện	53.508	51.422
Chi phí khác	109.957	74.672
	1.792.429	1.014.595

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND</i>
Các khoản phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn:		
- Phí bảo hiểm tạm thu	163.153	152.613
- Phí bảo hiểm nhận trước	49.445	38.515
Phải trả ngắn hạn khác:		
- Phải trả các công ty liên quan (i)	228.781	1.519.483
- Phải trả khác	29.757	34.971
	471.136	1.745.582

(i) Phải trả các công ty liên quan bao gồm:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND</i>
Phải trả cho công ty con (*)		
- Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments	82.218	74.299
Phải trả các công ty liên quan khác (**)		
- Prudential Corporation Holdings Limited (***)	140.350	1.352.128
- Prudential Assurance Co. Singapore (Pre) Ltd	1.288	1.137
- Pulse Ecosystems Pte Ltd	-	87.178
- Các công ty khác	4.925	4.741
	228.781	1.519.483

(*) Các khoản phải trả cho công ty con chủ yếu liên quan đến các khoản phí quản lý quỹ và phí dịch vụ, phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(**) Các khoản phải trả các công ty liên quan không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

(***) Căn cứ theo công văn số 8732/BTC-QLBH của Bộ Tài chính, ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2023 về việc chấp thuận nguyên tắc Đơn đề nghị thay đổi vốn điều lệ của Prudential Việt Nam, Prudential Corporation Holdings Limited đã chuyển số tiền 1.300.000 triệu VND vào tài khoản vốn của Công ty mở tại ngân hàng Citibank Việt Nam để tăng vốn điều lệ. Vào ngày 19 tháng 3 năm 2024, Công ty đã được Bộ Tài chính phê duyệt tăng vốn theo Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC9/KDBH. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 19 tháng 3 năm 2024 là 7.697.750 triệu VND.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a-DNNT

18. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Biến động của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	25.539	25.048
Trích lập dự phòng trong kỳ	2.572	3.339
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(3.870)	(2.848)
Số dư cuối kỳ	24.241	25.539

19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND	Thay đổi dự phòng trong kỳ Triệu VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
Dự phòng toán học (i)	123.444.009	4.192.722	127.636.731
Dự phòng phí chưa được hưởng	594.742	(103.430)	491.312
Dự phòng bồi thường	2.506.046	183.374	2.689.420
Dự phòng chia lãi	14.302.510	824.925	15.127.435
Dự phòng bảo đảm cân đối	284.716	11.030	295.746
Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết	86.417	20.576	106.993
	141.218.440	5.129.197	146.347.637

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, dự phòng toán học bao gồm các khoản dự phòng phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm tương ứng với giá trị tài khoản như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu VND
Chủ hợp đồng bảo hiểm quỹ liên kết đơn vị	20.347.471	17.613.763
Chủ hợp đồng bảo hiểm quỹ liên kết chung	9.104.123	8.426.411
Chủ hợp đồng bảo hiểm quỹ hưu trí	2.077	1.909
	29.453.671	26.042.083

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a-DNNT

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn góp Triệu VND	Quỹ dự trữ bất buộc Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng công Tổng cộng Triệu VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	6.397.750	639.775	15.298.398	22.335.923
Tăng vốn góp trong kỳ	1.300.000	-	-	1.300.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	915.869	915.869
Trích lập quỹ dự trữ bất buộc	-	45.793	(45.793)	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	7.697.750	685.568	16.168.474	24.551.792

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết
thúc cùng ngày

Mẫu B09a-DNNT

21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>
Bảo hiểm liên kết đầu tư	5.936.811	7.606.391
Bảo hiểm hỗn hợp	4.009.510	4.117.639
Sản phẩm bổ trợ	913.621	1.059.346
Bảo hiểm sức khỏe	224.977	309.172
Bảo hiểm tử kỳ	218.049	84.413
Bảo hiểm nhân thọ trọn đời	15.662	18.196
Bảo hiểm hưu trí	108	96
Phí bảo hiểm được hoàn lại	(175.025)	(353.585)
Phí bảo hiểm gốc	11.143.713	12.841.668
Giảm/(tăng) dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng của bảo hiểm gốc (<i>Thuyết minh 19</i>)	103.430	92.231
	11.247.143	12.933.899

22. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>
Bảo hiểm hỗn hợp	88.267	81.441
Bảo hiểm sức khỏe	80.441	90.096
Sản phẩm bổ trợ	74.644	82.358
Bảo hiểm liên kết đầu tư	36.473	35.486
Bảo hiểm tử kỳ	6.130	5.638
Bảo hiểm nhân thọ trọn đời	78	98
	286.033	295.117

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG VÀ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND
Chi phí bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác	6.831.917	5.977.863
Trong đó:		
- Bảo hiểm hỗn hợp	3.565.089	3.291.689
- Bảo hiểm liên kết đầu tư	2.874.536	2.256.517
- Sản phẩm bổ trợ	219.032	262.344
- Bảo hiểm sức khỏe	104.417	96.232
- Bảo hiểm nhân thọ trọn đời	41.153	48.257
- Bảo hiểm tử kỳ	27.690	22.808
- Bảo hiểm hưu trí	-	16
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(184.115)	(210.787)
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	5.232.627	5.460.171
	11.880.429	11.227.247

24. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	744.571	1.093.472
Chi phí giám định bồi thường	15.186	1.724
Chi phí khác cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	173
	759.777	1.095.369

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND
Thu nhập lãi từ:	4.220.349	4.290.465
- Trái phiếu	2.595.481	2.382.654
- Tiền gửi tại các ngân hàng	1.337.377	1.652.075
- Tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm từ giá trị hoàn lại	287.491	255.736
Phân bổ phụ trội của các trái phiếu	(248.732)	(223.410)
Lãi/(Lỗ) từ việc bán các chứng khoán đầu tư	719.025	(449.066)
Lãi/(lỗ) chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản đầu tư của quỹ liên kết đơn vị	1.602.425	1.627.290
Cổ tức	218.434	312.163
Hoạt động tài chính khác	(3.243)	2.449
	6.508.258	5.559.891

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>
Chi phí hoạt động đầu tư	196.903	161.018
Trong đó:		
- Phí quản lý đầu tư	135.838	108.801
- Chi phí khác	61.065	52.217
Quyền lợi tiền mặt định kì trả cho chủ hợp đồng	126.446	101.836
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 5)	(1.955)	1.565
	321.394	264.419

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>
Thưởng, hỗ trợ và quyền lợi khác cho đại lý bảo hiểm	1.534.314	2.147.676
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo, hội thảo khách hàng	169.312	235.510
Chi phí liên quan đến thu phí và quản lý hợp đồng bảo hiểm	65.641	85.691
Chi phí bán hàng khác	347.940	270.488
	2.117.207	2.739.365

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND</i>
Lương và chi phí liên quan	719.518	788.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.863	265.839
Chi phí dịch vụ từ vùng	120.416	88.025
Chi phí khấu hao và phân bổ	84.832	29.720
Chi phí văn phòng phẩm, công cụ và thiết bị	58.040	67.769
Thuế, phí và lệ phí	3.496	5.862
Chi phí khác	45.842	42.850
	1.304.007	1.288.637

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế trong năm 2024 (2023: 20%).

29.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	331.439	272.299
Tthu nhập thuế TNDN hoãn lại	(155.320)	(13.174)
Chi phí thuế TNDN	176.119	259.125

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.091.988	1.601.174
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2023: 20%)	218.398	320.235
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.408	1.323
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(43.687)	(62.433)
Chi phí thuế TNDN	176.119	259.125

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
	<i>Triệu VND</i>	<i>Triệu VND</i>	<i>Triệu VND</i>	<i>Triệu VND</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả	358.486	202.919	155.567	13.376
Các khoản dự phòng	4.848	5.108	(260)	12
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	50	37	13	(214)
	<u>363.384</u>	<u>208.064</u>	<u>155.320</u>	<u>13.174</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ròng	<u>363.384</u>	<u>208.064</u>		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ			<u>155.320</u>	<u>13.174</u>

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a-DNNVT

30. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 Triệu VND
Prudential Corporation Holdings Limited	Công ty mẹ	Dịch vụ cung cấp cho Công ty Chi phí Công ty trả hộ Chi phí trả hộ cho Công ty	120.416 - 20.159	88.025 753 27.926
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments	Công ty con	Phí quản lý ủy thác đầu tư Phí quản lý quỹ Dịch vụ do Công ty cung cấp Chi phí Công ty trả hộ Phí dịch vụ khác Cổ tức được nhận Phí báo cáo thành tích nhanh	135.838 8.729 428 2.055 17.407 - 2.965	108.801 7.731 1.759 628 15.275 200.000 -
Easpring Investments (Singapore) Limited	Công ty liên quan khác	Phí thẩm định tín dụng Phí tư vấn	5.464 1.459	4.751 3.873
Prudential Investment Management Private Limited	Công ty liên quan khác	Phí tư vấn	2.929	-
Prudential Services Asia Sdn Bhd	Công ty liên quan khác	Dịch vụ cung cấp cho Công ty	1.759	4.723
Prudential Services Singapore Pte Ltd	Công ty liên quan khác	Dịch vụ cung cấp cho Công ty	864	17.332
Pulse Ecosystems Pte Ltd	Công ty liên quan khác	Dịch vụ cung cấp cho Công ty Chi phí Công ty trả hộ	- 6.955	310.542 -
Prudential Assurance Co. Singapore Pte Ltd	Công ty liên quan khác	Chi phí Công ty trả hộ	130	-

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a-DNNT

30. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thành viên Ban Giám đốc và hội đồng thành viên:

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> Triệu VND	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> Triệu VND
Tiền lương và các phụ cấp khác	59.406	66.611

31. CAM KẾT

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> Triệu VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> Triệu VND
Được duyệt và đã ký kết hợp đồng	132.569	321.012

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> Triệu VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> Triệu VND
Trong vòng một năm	131.828	129.746
Trong vòng hai đến năm năm	228.122	252.217
	359.950	381.963

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
1.	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	27,46	27,51
	Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	0,26	0,30
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	72,54	72,49
2.	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	86,53	87,36
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	13,47	12,64
3.	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện hành Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	4,41	3,71
	Khả năng thanh toán nhanh Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,57	0,49
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
4.	Tỷ suất lợi nhuận			
	Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,60	0,95
	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	8,35	10,61
	Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	3,73	6,48

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

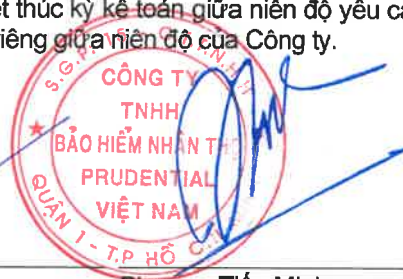
Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Tạ Minh Trí
Kế toán Báo cáo



Phạm Bích Liên
Kế toán trưởng



Phương Tiến Minh
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024